

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 200/2018/HSST

Ngày: 12-10-2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Cư.
2. Ông Nguyễn Công Hoan.

Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hương Sen - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh- Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 164/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2018/TLST-HS ngày 21 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Bùi Văn B, sinh năm 1954 tại thị xã CL, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: Khu CN1, phường CH, thị xã CL, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 5/10. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Bùi Văn Đ (đã chết) và bà Nguyễn Thị K (đã già yếu 102 tuổi). Có vợ là Phạm Thị D (đã chết). Có 03 con, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1984.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo hiện thực hiện Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương và được tại ngoại (*có mặt tại phiên tòa*).

Người bị hại: 1. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1952 (vợ bị cáo đã chết). Nơi cư trú: Khu CN1, phường CH, thị xã CL, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Phạm Thị D: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1981 (con bà D). Anh Bùi Văn P, sinh năm 1984 (con bà D). Nơi cư

trú: Khu CN1, phường CH, thị xã CL, tỉnh Hải Dương. Anh Bùi Văn G, sinh năm 1982 (con bà D). Nơi cư trú: Tổ 10 thôn 4, thị xã TL, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng. Anh L, anh P có mặt; anh G có đơn xin vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Đình L1, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn ĐN, xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn B không có giấy phép lái xe theo quy định. Khoảng 17h30' ngày 14/10/2017, B điều khiển xe mô tô biển số 34K7-6727 phía sau chở bà Phạm Thị D ở khu CN1, phường CH, thị xã CL, Hải Dương (là vợ của B) đi từ nhà đến huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Khoảng 18h40' cùng ngày, khi B điều khiển xe mô tô biển số 34K7-6727 đến Km 4 + 100 đường dẫn lên cầu 789 thuộc xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương, hướng từ huyện Nam Sách đi Quốc lộ 5A với tốc độ khoảng 25km/h đi ở làn đường xe thô sơ, đây là đường hai chiều được trải bê tông nhựa đá phẫn, bề mặt đường đo được rộng 14m chia làm bốn làn đường gồm hai làn đường dành cho xe cơ giới, hai làn đường dành cho xe thô sơ. Do không chú ý quan sát nên B đã để đầu xe phía trước của xe mô tô biển số 34K7-6272 va chạm với mặt ngoài đầu chân thang tre đặt trên xe bò tự chế chở rom (dưới đồng rom có đặt một chiếc thang tre) do anh Nguyễn Đình L1 ở thôn ĐN, xã NĐ, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương kéo đi phía trước cùng chiều làm xe mô tô, xe bò tự chế đổ ra đường để lại vết cày xước có kích thước (1,70x0,01)m vết có chiều hướng từ huyện Nam Sách đi Quốc lộ 5, đầu vết cách mép đường 1m70, cuối vết kết thúc tại đầu bàn để chân xe mô tô. Anh L1 và B ngã ra đường bị thương nhẹ. Bà D ngã ra phần đường dành cho xe cơ giới và bị xe ô tô đi từ phía sau (không xác định được đặc điểm, chủng loại, biển số xe) chèn qua, bà D chết tại hiện trường.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện - Khám xe mô tô biển số 34K7 – 6727.

- Tại mặt ngoài đầu chắn bùn bánh trước có vết va chạm trầy xước nhựa màu ghi xám, chiều từ trước về sau, từ ngoài vào trong, diện 29 x 2cm. Ngang với vị trí cuối vết này, ốp nhựa phía trước cổ xe có vết va chạm bẹp lõm nhựa hình tròn, tại khu vực này còn dính lại nhiều sợi rom.

- Ốp nhựa đèn pha vỡ mất mảnh nhựa không xác định hình, kích thước 7,5 x 4cm.

- Đầu bàn để chân người điều khiển bên trái có vết mài mòn kim loại dính bột đá đường màu trắng.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện giao thông - Khám xe bò tự chế:

- Tại mặt ngoài đầu chân thang tre đặt trên xe bò (chân bên phải tính theo chiều từ chân thang lên đầu thang) có vết va chạm chùi sạch bụi đất tự nhiên dính lại bột nhựa màu ghi xám. Chân thang xe vỡ tước theo chiều từ sau về trước, từ chân thang lên đầu thang.

Tại Kết luận giám định pháp y số 601 ngày 20/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương xác định nguyên nhân chết của bà Phạm Thị D. Đa vết thương, chấn thương (vết thương đầu, mặt, gãy vỡ tạp xương đầu mặt, thoát não. Ngực biến dạng, gãy phức tạp xương lồng ngực, chảy máu khoang ngực. Gãy hai xương bả vai. Gãy xương cột sống từ đốt sống cổ đến đốt sống thắt lưng số 1. Gãy đầu trên xương quay tay trái).

Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đình L1 không bị thương tích và hư hỏng tài sản nên không có yêu cầu đề nghị về trách nhiệm dân sự; các anh Bùi Văn G, Bùi Văn L, Bùi Văn P là con của bà D xác nhận việc lo đám tang do bị can B cùng các con thanh toán tiền mai táng phí, các anh không yêu cầu bị can bồi thường về trách nhiệm dân sự và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự.

Vật chứng: Chiếc xe bò tự chế là tài sản của anh L1, sau tai nạn chỉ hư hỏng nhẹ, không yêu cầu bồi thường, Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương đã trao trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Đối với chiếc xe mô tô biển số 34K7-6727 là tài sản của bị can mua của bà Nguyễn Thị O ở Khu CN1, P. CH, thị xã CL, tỉnh Hải Dương, hiện đang được quản lý tại kho vật chứng của Cơ quan CSĐT Công an TP. Hải Dương để chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Bản cáo trạng số 177/VKS-HS ngày 24/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố Bùi Văn B về tội "Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra, xác định Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng đã nêu là đúng.

Những người đại diện hợp pháp của người bị hại (bà D) gồm anh Bùi Văn L, Bùi Văn P có mặt tại phiên tòa có quan điểm xác định sau khi bà D bị chết thì bố các anh là bị cáo B đã đứng ra khắc phục hậu quả bỏ tiền ra để cùng các con tập trung tổ chức lễ tang cho bà D nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về

dân sự và xin miễn trách nhiệm hình sự cũng như giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo tại địa phương;

Người đại diện hợp pháp của người bị hại (bà D) là anh Bùi Văn G có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo B đồng thời không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự.

Người bị hại là anh Nguyễn Đình L1 vắng mặt tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá chứng cứ, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận về vụ án, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Bùi Văn B phạm tội “ Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”;

Về điều luật: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 202 của BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQHĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn B từ 30 tháng đến 36 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Bùi Văn B cho Ủy ban nhân dân phường CH, thị xã CL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. *Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp bị cáo Bùi Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.*

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Trả lại cho bị cáo Bùi Văn B 01 xe máy nhãn hiệu AnGel - BKS 34K-6727.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng theo quy định tại Luật phí và

lệ phí năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật người cao tuổi năm 2009; bị cáo là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là sai, bị cáo có lỗi vì đã gây ra hậu quả cho người bị hại, chỉ mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương vì bị cáo hoàn cảnh khó khăn vợ bị cáo bị chết, bị cáo phải đi làm thuê để kiếm sống chăm sóc mẹ già 102 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Về tài liệu, chứng cứ đã thu thập, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đồng thời thống nhất với bản kết luận giám định pháp y, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông và báo cáo kết luận điều tra, giải quyết vụ tai nạn giao thông của Công an thành phố Hải Dương. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo xảy ra vào ngày 14/10/2017, được đưa ra xét xử vào ngày 12/10/2018 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã có hiệu lực thi hành. Đối chiếu điều luật tương ứng, tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 và tội “Vi

phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đều quy định loại hình phạt nặng nhất đối với cả hai tội đều là tù có thời hạn và mức hình phạt tù khởi điểm, mức hình phạt tù cao nhất như nhau và quy định loại hình phạt chính khác là cải tạo không giam giữ cũng bằng nhau. Tuy nhiên, tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 quy định loại hình phạt chính khác là phạt tiền có mức khởi điểm và mức hình phạt tiền cao nhất từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng thấp hơn so với tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Do đó, tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 nhẹ hơn. Vì vậy, mặc dù sau ngày 01/01/2018 mới xét xử bị cáo Bùi Văn B nhưng căn cứ vào khoản 3 Điều 7 của BLHS 2015, điểm c Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 vẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 để giải quyết.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, qua xét hỏi lời khai của bị cáo thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường tai nạn giao thông, biên bản khám nghiệm phương tiện liên quan đến tai nạn, sơ đồ hiện trường, biên bản khám nghiệm tử thi, bản kết luận giám định pháp y và toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ và cơ sở kết luận: Bùi Văn B không có giấy phép lái xe mô tô theo quy định. Khoảng 18 giờ 40' ngày 14/10/2017, tại Km 4 + 100 đường dẫn lên cầu vượt 789, thuộc địa phận xã NĐ, TP. Hải G, Bùi Văn B điều khiển xe mô tô 34K7-6727 theo hướng huyện Nam Sách đi Quốc lộ 5 xe chở vợ là bà Phạm Thị D do đi không đúng làn đường, thiếu chú ý quan sát nên đã để va chạm với mặt ngoài đầu chân thang tre đặt trên xe bò tự chế chở rom (dưới đồng rom đặt một chiếc thang tre) do anh Nguyễn Đình L1 đang kéo đi cùng chiều phía trước làm xe mô tô 34K7 - 6727 đổ, bà D ngã ra đường và bị một xe ô tô (hiện chưa xác định được đặc điểm, chủng loại, biển số) chèn qua. Hậu quả: bà D chết tại hiện trường.

Hành vi của Bùi Văn B đã vi phạm khoản 2 Điều 8; khoản 1 Điều 9, Điều 13 của Luật giao thông đường bộ gây hậu quả 01 người bị chết và đủ yếu tố cấu thành tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Do đó, bản Cáo trạng số 177/CT-VKS-HS ngày 24/8/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Bùi Văn B về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được việc không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quy định an toàn giao thông đường bộ là vi phạm pháp luật nhưng do vô ý, cầu thả, thiếu chú ý quan sát dẫn đến xe mô tô do bị cáo điều khiển đã va chạm vào xe bò tự chế của anh L1 khiến anh L1 bị thương còn vợ bị cáo là bà D bị ngã ra đường khiến phương tiện khác đè lên chết tại chỗ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, do thiếu chú ý quan sát, không đi đúng làn đường không tuân thủ quy tắc tham gia giao thông, gây nên tai nạn đã xâm phạm trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại cho tính mạng, tài sản của người khác, gây tâm lý lo ngại chung cho những người tham gia giao thông vì hiện nay vấn đề tai nạn giao thông đang là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội, Đảng và Nhà nước ta đã có chủ trương tuyên truyền, phổ biến giáo dục mọi công dân phải nghiêm chỉnh chấp hành luật giao thông nhằm đảm bảo tính mạng, sức khỏe, tài sản cho mọi người khi tham gia giao thông, hạn chế mức thấp nhất những thiệt hại về tính mạng, sức khỏe và tài sản do tai nạn giao thông gây ra. Do vậy, bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với lỗi, nguyên nhân hậu quả và mối quan hệ nhân quả giữa nguyên nhân hậu quả, mức độ hành vi phạm tội do bị cáo gây ra .

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Xét bị cáo là người có nhân thân tốt và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, bị cáo lại là lao động chính trong gia đình, giữa bị cáo và bị hại có quan hệ là vợ chồng, bị cáo còn phải nuôi dưỡng mẹ già 102 tuổi, sau khi xảy ra tai nạn bị cáo đã bỏ tiền ra để khắc phục hậu quả cùng đại diện hợp pháp của người bị hại lo mai táng phí cho người bị hại, tại phiên tòa tất cả người đại diện hợp pháp của người bị hại đều tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2

Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Do bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự 2015(sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng là có căn cứ.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào các quy định của Bộ luật hình sự, sau khi cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ là vợ chồng, bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy bị cáo có thể tự cải tạo và việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương cùng gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, là phù hợp theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQHĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao điều đó cũng đáp ứng được mục đích của hình phạt thể hiện tính nhân đạo cũng như chính sách khoan hồng của pháp luật. Do vậy, mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Bùi Văn B có căn cứ chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Đình L1 không bị thương tích gì nên không đề nghị về trách nhiệm dân sự; Người đại diện hợp pháp của người bị hại là bà Phạm Thị D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về trách nhiệm dân sự và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên không đặt ra giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu AnGel - BKS 34K-6727 là tài sản hợp pháp của bị cáo cần trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm nhưng do bị cáo là người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên theo Luật người cao tuổi năm 2009) nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 202 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1, 2, 3, 5 Điều 65; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 02/2018/NQHĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo; Căn cứ khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tổ tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật người cao tuổi năm 2009. Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn B phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Bùi Văn B **30** (ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **60** (sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/10/2018. Giao bị cáo Bùi Văn B cho Ủy ban nhân dân phường CH, thị xã CL, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo thường trú để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo Bùi Văn B.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Trong trường hợp bị cáo Bùi Văn B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Trả lại bị cáo Bùi Văn B chiếc xe máy nhãn hiệu AnGel - BKS 34K-6727 (Tình trạng vật chứng, đặc điểm, chủng loại, số lượng theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/9/2018 giữa CQCSĐT Công an thành phố Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương).

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Bùi Văn B được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND TP. Hải Dương;
- Bị cáo;
- Cơ quan CSĐT, Cơ quan THAHS- Công an TP. Hải Dương;
- Người bị hại (người đại diện hợp pháp của bị hại);
- UBND phường CH, TX. CL nơi cư trú của bị cáo;
- Đăng tải công thông tin TA;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNVCS Công an tỉnh;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương (án có hiệu lực);
- Lưu VP;- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quang Minh